

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Yêu cầu tuyên bố một người mất tích

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Nhã Phương.

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Xuân Quyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên họp:
Ông Dương Minh Xuân – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 10/2022/TLST- VDS ngày 09 tháng 5 năm 2022 về việc “Yêu cầu tuyên bố một người mất tích” theo Quyết định mở phiên họp số: 15/2022/QĐST-VDS ngày 11 tháng 11 năm 2022.

Những người tham gia tố tụng:

1. **Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1961. Địa chỉ Buôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

2. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Lê Thị T, sinh năm 1978. Nơi cư trú cuối cùng: Buôn E, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

* Theo đơn yêu cầu ngày 28/4/2022 và tại phiên họp ông Lê Văn T trình bày:

Ông Lê Văn T và bà Lê Thị T chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn với từ năm 2000. Ông T và Bà T đã có hai con chung là Lê Thị Thủy D sinh năm 2000 và Lê Văn B sinh năm 2003. Trong quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do bất đồng quan điểm sống, xảy ra cãi vã nên cả hai dần không quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau nên Bà T đã bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2010 cho đến nay. Khi đi Bà T không báo cho gia đình và chính quyền địa phương biết, mặc dù Ông T cùng gia đình đã áp dụng mọi biện pháp tìm kiếm, nhưng không có tin tức của Bà T.

Do đó, Ông T yêu cầu Tòa án tuyên bố bà Lê Thị T mất tích.

** Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân huyện EaKar thụ lý vụ việc Yêu cầu tuyên bố một người mất tích theo yêu cầu của ông Lê Văn T là đúng thẩm quyền, quy định tại Điều 27, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng người tham gia tố tụng theo Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các hoạt động tố tụng trong giai đoạn chuẩn bị xét đơn yêu cầu theo quy định tại Điều 388 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Sau khi nộp đơn yêu cầu, Tòa án đã làm các thủ tục đăng tin tìm kiếm bà Lê Thị T trên các phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của pháp luật. Kể từ ngày đăng, phát thông báo lần đầu tiên cho đến nay đã hơn bốn tháng nhưng bà Lê Thị T vẫn không trở về, cũng không có tin tức gì đối với Bà T. Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được Tòa án xác minh, thu thập lưu trong hồ sơ vụ việc, căn cứ vào lời trình bày của ông Lê Văn T tại phiên họp hôm nay, đề nghị Chủ tọa phiên họp căn cứ khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 387, Điều 388, Điều 389 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015 để tuyên bố bà Lê Thị T mất tích. Các vấn đề khác ông Lê Văn T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về lệ phí: Ông T phải chịu lệ phí, chi phí tố tụng về đăng tin tìm kiếm người mất tích theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát và lời trình bày của đương sự tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Văn T yêu cầu tuyên bố bà Lê Thị T mất tích. Bà T có đăng ký HKTT và nơi cư trú cuối cùng tại Buôn E, xã E, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Căn cứ vào khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39, Điều 361 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Về nội dung vụ việc: ông Lê Văn T và bà Lê Thị T sống chung với nhau như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn từ năm 2000 và cùng sinh sống tại Buôn E, xã E, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk. Đến năm 2010 Bà T bỏ đi đến nay không có tin tức gì. Ông T đã tìm kiếm và liên lạc nhiều nơi, nhưng không có tin tức xác thực Bà T đang cư trú ở đâu, còn sống hay không.

Sau khi thụ lý đơn yêu cầu của Ông T, Tòa án đã Thông báo tìm kiếm bà Lê Thị T trên đài Tiếng nói việt Nam thường trú tại khu vực Tây Nguyên và đã

được đăng phát Thông báo 03 lần vào các ngày 11, 12 và 13/7/2022 đồng thời được Báo Công Lý đăng báo 03 số liên tiếp 55, 56, 57 vào ngày 12, 15, 19/7/2022 theo quy định của Pháp luật.

Đã hết thời hạn 04 tháng kể từ ngày đăng, phát lần đầu nhưng không có tin tức gì của Bà T.

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự, lời trình bày của Ông T tại phiên họp hôm nay là hoàn toàn có cơ sở để khẳng định Bà T đã bỏ nhà đi khỏi địa phương từ năm 2010 đến nay không về, không biết Bà T đang làm gì, ở đâu, còn sống hay đã chết. Nên việc Ông T làm đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố Bà T mất tích là có căn cứ. Vì vậy, áp dụng vào các Điều 387, Điều 388, Điều 389 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015 để chấp nhận đơn yêu cầu tuyên bố một người mất tích của Ông T đối với Bà T. Các vấn đề khác Ông T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[3] Về chi phí tố tụng:

3.1. Về chi phí cho việc đăng, phát thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú. Ông T tự nguyện chịu theo quy định của pháp luật, Ông T đã thực hiện xong nghĩa vụ nên không đặt ra để giải quyết.

3.2. Về lệ phí: Ông Lê Văn T là người cao tuổi, được miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 3 Điều 27, điểm a khoản 2 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 39; Điều 361; Điều 367; Điều 371; Điều 372; Điều 388; Điều 389 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 68 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu tuyên bố một người mất tích của ông Lê Văn T:

Tuyên bố bà Lê Thị T, sinh năm 1978. Nơi cư trú cuối cùng: Buôn Ea Brah (thôn 6 cũ), xã Ea Sô, huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk mất tích.

2. Về lệ phí: Ông Lê Văn T là người cao tuổi, được miễn nộp tiền tạm ứng lệ phí nên không đặt ra xem xét.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Người yêu cầu; Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc quyết định được thông báo niêm yết công khai tại nơi cư trú cuối cùng.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục T.H.A dân sự huyện EaKar;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ việc.

Trần Thị Nhã Phương